Phụ lục II

GIÁ DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜ

(Kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 20

STT	Đơn vị	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ ghép tạng/ ghép tủy/ ghép tế bào gốc	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	Ngày giường bệnh Nội khoa:	
				Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	**Loại 2:** Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai - Mũi -Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ - Sản không mổ; Y học dân tộc/ Phục hồi chức năng cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.
1	Bệnh viện C	928.100	558.600	305.500	273.800

NG BỆNH

25 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị: Đồng

	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng:				
Loại 3: Các khoa: Y học dân tộc, Phục hồi chức năng	**Loại 1:** Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	**Loại 2:** Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25-70% diện tích cơ thể	**Loại 3:** Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	**Loại 4:** Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	**Ngày giường điều trị ban ngày**
232.900	400.400	364.400	320.700	286.700	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng